TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 474/2019/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 519/2019/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Người yêu cầu: Bà **Phạm Lệ D,** sinh năm 1994.

Địa chỉ thường trú: Tiểu khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La.

+ Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Thái Ngọc P**, sinh năm 1993.

Địa chỉ thường trú: 6B/1, khu phố 4, phường T, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 273/2, khu chung cư 3, tổ 6, ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con trong gia đình, về trách nhiệm cấp dưỡng. Tuy nhiên hòa giải đoàn tụ không thành và các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Lệ D và ông Nguyễn Thái Ngọc P thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08/5/2016. Ly hôn cả hai thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc T cho bà Phạm Lệ D trực tiếp

trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thái Ngọc P không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà D ông P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà D ông P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Lệ D và ông Nguyễn Thái Ngọc P mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004374 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa. Bà D ông P đã nộp xong lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Lệ D và ông Nguyễn Thái Ngọc P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08/5/2016. Ly hôn giao cháu Nguyễn Ngọc T cho bà Phạm Lệ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thái Ngọc P không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà D ông P trình bày không có, không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà D ông P trình bày không có, không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Lệ D và ông Nguyễn Thái Ngọc P mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004374 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa. Bà D ông P đã nộp xong lệ phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Ngọc Tuyền